

2023 02 15

Vietnam Daily Review

VNインデックス5日ぶり反発。

VN指数にBSCの予測

	弱気	中立	強気
2020 04 27		●	
2020 04 27 ~ 2020 05 01		●	
4			●

サマリー

- ・VNインデックスは+9.56ポイント高の1048.2で引けた。HNXインデックスは+3.11ポイント高の207.97で引けた。
- ・最も上昇した銘柄はVPB (+0.85%)、BID (+0.76%)、GAS (+0.72%)、VNM (+0.68%)、VCB (+0.59%)だった。
- ・主に下落した銘柄はSTB (-0.5%)、NVL (-0.39%)、EIB (-0.34%)、VHM (-0.27%)、PGV (-0.18%)だった。
- ・本日のVNインデックスの売買代金は前日比44.18%増の7兆9,140億ドンに達した。総売買代金が9兆8,630億ドンに達した。変動幅は17.5ポイントだった。上昇には326銘柄、変わらずには50銘柄、下落には97銘柄だった。
- ・外国人投資家の動向について、HSX市場での売越額は3,295億9,000万ドンだった。最も売られたのはSTB (1,785億3,000万ドン)、NVL (728億9,000万ドン)、DXG (566億7,000万ドン) だった。一方、HNX市場での買越額は53億ドンだった。

推奨戦略

VNインデックスは前場所に下落したが、中盤にプラス圏に浮上し、上げ幅を拡大し、9.56ポイント高の1048.2で引けた。市場の広さがネガティブな状態に転換し、すべての業界が上昇した。そのうち、建設・建材業界、石油業界、化学業界、証券業界は大幅に上昇した。外国人投資家の動向について、外国人投資家はHSX市場で売り越したが、HNX市場で買い越した。本日、売買代金は前日比増加したが、低い水準で留まった。VNインデックスは次の数日に1050ポイントの周りでもみ合う可能性がある。
先物取引契約：先物取引契約は証券市場と共に上昇した。投資家は先物取引契約を慎重的に取引するべきだ。
カバードワラント：2023年2月15日には、カバードワラント市場は指定銘柄と共に上昇した。

BSC RESEARCH

部長

Tran Thang Long

longtt@bsc.com.vn

マクロ及び市場を担当するグループ

Bui Nguyen Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Le Quoc Trung

trunglq@bsc.com.vn

VN-INDEX **1048.20**

売買代金: 7913.59 億ドン **9.56 (0.92%)**
外国人投資家の売買代金 (買い越し・売り越し) 億ドン

HNX-INDEX **207.97**

売買代金: 0 億ドン **3.11 (1.52%)**
外国人投資家の売買代金 (買い越し・売り越し) 億ドン

UPCOM-INDEX **79.47**

#VALUE! **1.53 (1.96%)**
外国人投資家の売買代金 (買い越し・売り越し) 億ドン

データ

	価値	増減率
石油価格	78.1	-1.2%
金価格	1,833	-1.1%
対USD為替レート	23,621	0.0%
対EUR為替レート	25,323	0.0%
対円為替レート	17,708	0.0%
銀行間金利 (1か月物)	6.23%	-0.3%
国債金利 (5年間物)	3.75%	-0.3%

ソース：ブルームバーグ、BSCリサーチ

外人投資家による売買金額上位5銘柄

購入銘柄トップ	売買代金	却銘柄トップ	売買代金
E1VFN3 ^l	38.21	STB	-178.53
KDH	14.65	NVL	-72.89
VCG	13.48	DXG	-56.67
PVD	13.41	VIC	-52.30
BID	9.70	VND	-44.09

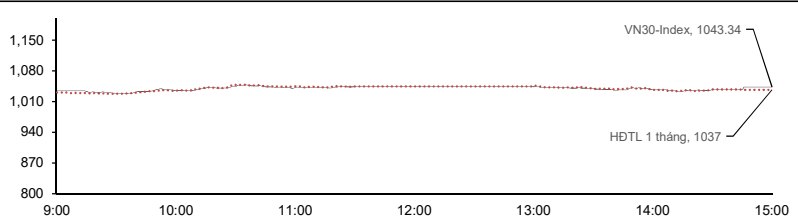
ソース：BSCリサーチ

市場概要 A	ページ1
テクニク分析	ページ2
デリバティブ市場	ページ2
推奨ポートフォリオ	ページ3
大型株	ページ4
市場統計	ページ5
最新レポート	ページ6

先物取引契約

チャート

VN30-Index Intraday と1ヶ月先物取引契約



ソース: Bloomberg, BSC Research

契約名	契約値	増減(日)	差	%	売買高	満期日	日数
VN30F2309	1028.20	1.00%	-15.14	117.9%	85	9/21/2023	220
VN30F2302	1037.00	0.59%	-6.34	25.9%	348395	2/16/2023	3
VN30F2303	1036.50	1.10%	-6.84	90.8%	18187	3/16/2023	31
VN30F2306	1032.90	1.14%	-10.44	210.0%	217	6/15/2023	122

ソース: Bloomberg, BSC Research

Le Quoc Trung
trunglq@bsc.com.vn

VN30の上昇幅上位の銘柄

銘柄	価格	±増・減(%)	Index pt
VPB	17.20	2.99	2.45
ACB	24.55	2.94	2.10
TCB	27.40	2.05	1.31
VNM	76.00	1.74	1.13
FPT	81.60	0.99	0.78

ソース: Bloomberg, BSC Research

VN30の下落幅上位の銘柄

銘柄	価格	±増・減(%)	Index pt
STB	23.4	0.97	-2.07
NVL	11.2	0.84	-0.90
VHM	42.5	1.25	-0.28
VJC	102.7	1.28	-0.03
VIC	52.9	0.59	0.00

ソース: Bloomberg, BSC Research

評価:

- ・VN30インデックスは+8.41ポイント高の1043.34で引けた。変動幅は20.74ポイントだった。VPB、ACB、TCB、VNMとFPTなどの主力株が堅調で、VN30インデックスを牽引した。
- ・VN30インデックスは安値で寄り付いた後、前場の終盤にプラス圏に浮上し、上げ幅を拡大し、8.41ポイント高の1043.34で引けた。売買代金は前日比増加し、MA20を上回った。投資家は次の数日に先物取引契約を慎重的に取引するべきだ。
- ・先物取引契約は証券市場と共に上昇した。売買高を見ると、全ての先物取引契約が増加した。売買高を見ると、VN30F2302とVN30F2306の以外、他の先物取引契約が増加した。

カワードワラント

銘柄	満期日	残り期間	CR**	売買高	Độ lệch chuẩn	ワラント値	±増減	発行価格	理論的な価格	損益分岐価格	実施価格	証券価格
CVRE2218	3/1/2023	14	5:1	1,118,500	44.32%	220	10.00%	1,000	243	29,638	27,888	28,350
CVNM2207	3/28/2023	41	15.2:1	487,000	26.62%	670	6.35%	1,100	597	77,952	67,462	76,000
CVHM2218	6/6/2023	111	6:1	1,144,700	34.83%	350	6.06%	1,650	86	56,460	54,000	42,500
CFPT2210	8/31/2023	197	10:1	182,600	28.17%	650	4.84%	2,350	432	96,700	90,000	81,600
CVRE2216	8/31/2023	197	4:1	179,200	44.32%	590	3.51%	1,650	729	33,880	31,000	28,350
CHPG2225	6/6/2023	111	3:1	885,300	51.08%	1,530	3.38%	1,550	1,561	21,440	17,000	20,800
CHPG2227	11/1/2023	259	2:1	258,700	51.08%	2,260	3.20%	2,400	1,982	25,020	-	20,800
CMBB2213	6/6/2023	111	3:1	287,400	41.22%	870	2.35%	1,550	749	19,970	17,000	18,000
CHPG2226	9/5/2023	202	2:1	118,500	51.08%	2,200	1.85%	2,300	1,980	23,980	19,500	20,800
CHPG2221	3/31/2023	44	4:1	3,035,700	51.08%	80	0.00%	1,000	80	25,320	25,000	20,800
CVHM2216	8/31/2023	197	8:1	1,076,900	34.83%	160	0.00%	1,900	62	63,760	62,000	42,500
CMBB2211	8/31/2023	197	4:1	868,200	41.22%	150	0.00%	1,200	81	27,640	27,000	18,000
CVPB2212	8/31/2023	197	2.66:1	519,100	39.19%	290	-3.33%	1,700	132	25,710	24,644	17,200
CVPB2214	9/5/2023	202	4:1	962,900	39.19%	780	-3.70%	1,100	569	20,880	17,000	17,200
CSTB2224	9/5/2023	202	2:1	54,900	51.36%	2,890	-11.08%	2,700	2,753	27,200	20,000	23,350
CSTB2225	11/1/2023	259	2:1	327,800	51.36%	3,050	-12.61%	2,900	2,855	28,280	20,500	23,350
CSTB2215	3/28/2023	41	5:1	543,400	51.36%	580	-19.44%	1,100	440	26,372	22,222	23,350
CSTB2222	3/1/2023	14	4:1	493,800	51.36%	820	-21.90%	1,000	806	25,062	20,222	23,350
CSTB2223	3/1/2023	14	4:1	966,900	51.36%	640	-25.58%	1,000	609	25,071	21,111	23,350
CSTB2218	3/31/2023	44	2:1	1,854,100	51.36%	160	-42.86%	2,100	187	28,600	28,000	23,350

ノート: * 理論的な価格はBlack-Scholes公式を基づく計算されます

非リスク金利 4.75%

** 転換率

評価:

- ・2023年2月15日には、カワードワラント市場は証券市場と共に上昇した。
- ・価格については、CHPG2225は+14.27%と最も上昇した。売買代金は前日比+90.1%増加した。CHPG2225の売買代金は最大となり、全市場の14.27%を占めた。
- ・カワードワラント銘柄はCVNM2207、CSTB2215、CVRE2211とCTPB2204の時価が理論価格と相当している。CHDB2208、CVNM2207、CSTB2215とCMSN2212の収益性は最も高かった。CSTB2224、CVNM2211、CSTB2225とCHPG2225の益回り率は最も高かった。

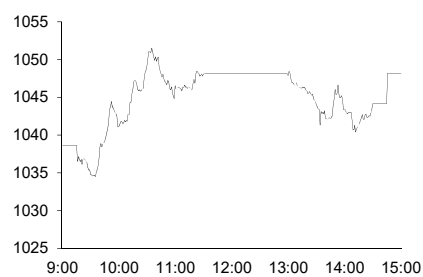
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Thông tin	9.45%
Thiết kế · Vật liệu	3.07%
Thạch dầu · Khí	1.95%
Hóa chất	1.88%
Tài chính Dịch vụ	1.57%
Tài nguyên thiên nhiên	1.01%
Thực phẩm · Đồ uống	0.93%
Sản phẩm công nghiệp và Dịch vụ	0.87%
Ngân hàng	0.86%
Điện · Nước · Nhiệt	0.83%
Thông tin công nghệ	0.78%
Ô tô · Phụ tùng	0.78%
Đồ gia dụng · Đồ dùng cá nhân	0.71%
Đồ bán lẻ	0.65%
Đầu tư bất động sản	0.55%
Giải trí · Du lịch	0.51%
Bảo hiểm	0.38%
Thông tin	0.28%
Y tế	0.28%

Hình 1

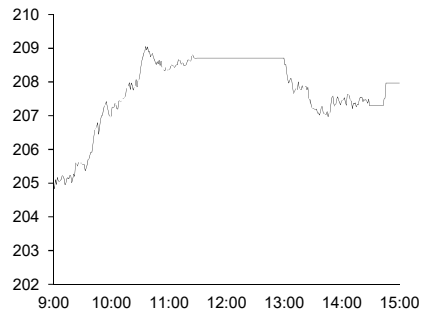
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

PVD (PetroVietnam · Drilling) - Hồi phục tín hiệu

- Hiện tại xu hướng: Hồi phục ngắn hạn
- MACD chỉ số: Phân kỳ dương, tín hiệu đường vượt lên.
- RSI chỉ số: Vùng trung lập, xu hướng tăng

PVD là cổ phiếu của 19.0 xung quanh tích lũy sau đó, xu hướng hồi phục được hình thành. Giá bán cao hơn mức tăng giá cổ phiếu và cùng với mức trung bình 20 ngày nằm dưới mức trung bình là xu hướng tăng vẫn chưa thực sự thể hiện. Đường giá cổ phiếu nằm trên MA9, MA20 nằm trên mức ngắn hạn xu hướng tăng thể hiện. MA20 nằm trên MA50 và MA100. MA50 nằm dưới MA100. Do đó, nhà đầu tư trung hạn nên mua cổ phiếu PVD ở mức 21.15, giá cổ phiếu 24.5 để chốt lời. Giá chốt lỗ nên đặt ở mức 19.8.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

銘柄	セクタ	終値 (千VND)	% 日	Beta	時価総額 (百万 USD)	終値 (百万 USD)	1株当たり利益	P/E	P/B	外国人が所有する	ROE
MWG	小売	42.8	0.6%	1.2	2,720	2.0	2,830	15.1	2.6	49.0%	18.5%
PNJ	小売	82.0	-0.1%	0.8	1,169	0.9	6,073	13.5	3.1	49.0%	24.7%
BVH	保険	49.4	0.6%	1.0	1,594	0.3	2,059	24.0	1.8	27.2%	7.4%
PVI	保険	49.8	0.0%	0.8	507	0.0	4,509	11.0	1.5	59.6%	10.6%
VIC	不動産	52.9	0.0%	0.5	8,772	7.6	2,252	23.5	1.8	12.9%	8.0%
VRE	不動産	28.4	1.3%	1.1	2,801	1.2	1,204	23.6	1.9	32.6%	8.6%
NVL	不動産	42.5	-0.6%	0.9	8,046	7.9	6,575	6.5	1.3	24.3%	21.3%
DXG	不動産	11.0	6.8%	2.1	290	5.9	255	42.9	0.7	27.1%	1.7%
SSI	証券	19.1	1.1%	1.7	1,237	8.6	1,456	13.1	1.3	43.5%	9.3%
VCI	証券	26.1	3.0%	1.0	494	4.1	2,004	13.0	1.7	22.5%	13.3%
HCM	証券	23.4	2.4%	1.7	464	3.1	1,865	12.5	1.4	47.0%	11.2%
FPT	技術	81.6	反発。	0.8	3,892	2.3	4,838	16.9	4.3	49.0%	24.8%
FOX	技術	56.3	1.4%	0.4	804	0.0	4,926	11.4	3.1	0.0%	30.2%
GAS	オイルとガス	107.1	1.4%	0.7	8,912	0.8	7,647	14.0	3.4	3.0%	26.7%
PLX	オイルとガス	38.8	2.0%	1.5	2,141	1.1	1,156	33.5	2.0	18.0%	6.0%
PVS	オイルとガス	24.7	1.2%	1.3	513	4.9	1,501	16.5	1.0	19.6%	6.0%
BSR	オイルとガス	15.8	1.3%	0.8	2,130	2.9	2,108	7.5	1.3	41.1%	19.1%
DHG	薬局	99.0	0.5%	0.3	563	0.1	7,318	13.5	3.0	54.3%	23.7%
DPM	肥料	43.2	1.3%	1.3	734	4.3	14,039	3.1	1.2	19.1%	45.8%
DCM	肥料	25.4	1.0%	1.4	585	1.2	7,605	3.3	1.3	11.4%	46.7%
VCB	バンク	93.0	0.5%	0.8	19,136	3.6	6,316	14.7	3.2	23.6%	24.2%
BID	バンク	44.0	1.4%	1.0	9,677	1.2	3,597	12.2	2.2	17.2%	19.9%
CTG	バンク	28.9	0.7%	1.2	6,039	1.9	3,518	8.2	1.3	28.1%	16.9%
VPB	バンク	17.2	3.0%	1.2	5,020	9.4	2,722	6.3	1.2	17.6%	20.7%
MBB	バンク	18.0	0.8%	1.4	3,548	5.1	3,856	4.7	1.1	23.2%	25.8%
ACB	バンク	24.6	2.9%	1.1	3,605	3.5	4,053	6.1	1.4	30.0%	26.5%
BMP	プラスチック	62.0	0.0%	0.7	221	0.2	8,505	7.3	1.9	84.8%	28.3%
NTP	プラスチック	31.7	0.0%	0.6	179	0.0	3,701	8.6	1.5	17.8%	17.3%
MSR	天然資源	11.2	0.9%	1.5	535	0.1	178	62.9	0.9	10.1%	1.4%
HPG	鋼	20.8	1.0%	1.6	5,259	18.2	1,459	14.3	1.3	23.5%	9.1%
HSG	鋼	15.1	1.7%	2.1	393	12.3	(1,776)	#N/A #N/A	0.9	8.5%	-10.0%
VNM	消費者の主食	76.0	1.7%	0.4	6,906	4.7	3,632	20.9	5.3	55.8%	24.1%
SAB	消費者の主食	189.0	0.5%	0.8	5,270	0.6	8,006	23.6	5.2	62.7%	23.6%
MSN	消費者の主食	93.0	0.1%	1.1	5,757	2.5	2,515	37.0	5.1	30.6%	12.1%
SBT	消費者の主食	14.5	2.1%	1.2	424	0.8	965	15.0	1.1	12.0%	7.1%
ACV	輸送	84.5	0.1%	0.8	7,998	0.0	363	232.9	4.9	3.8%	1.3%
VJC	輸送	102.7	-0.1%	1.1	2,418	0.8	(4,010)	#N/A #N/A	3.9	17.2%	-14.0%
HVN	輸送	12.0	1.7%	1.7	1,155	0.4	(4,720)	#N/A #N/A #N/A #N/A		5.9%	#VALUE!
GMD	輸送	51.7	0.0%	0.7	677	0.4	3,037	17.0	2.2	48.9%	13.8%
PVT	輸送	19.7	2.3%	1.3	277	1.4	2,587	7.6	1.1	18.4%	14.9%
VCS	材料	50.1	0.2%	0.8	349	0.1	6,671	7.5	1.6	3.1%	23.6%
VGC	材料	34.8	5.8%	1.5	678	0.6	3,896	8.9	2.0	5.4%	23.7%
HT1	材料	15.0	6.4%	1.5	248	1.6	685	21.8	1.1	2.9%	5.1%
CTD	建設	34.3	2.4%	1.8	110	0.3	281	122.1	0.3	49.2%	0.3%
CII	建設	13.1	3.6%	1.8	144	1.0	3,003	4.4	0.6	8.6%	14.2%
REE	電気	70.5	0.3%	-1.4	1,089	0.5	7,563	9.3	1.6	49.0%	18.7%
PC1	電気	25.5	4.5%	-0.4	300	1.3	1,664	15.3	1.3	5.7%	9.2%
POW	電気	12.0	1.3%	0.6	1,222	2.6	809	14.8	0.9	5.8%	6.4%
NT2	電気	29.0	0.9%	0.8	363	0.6	2,457	11.8	1.9	16.0%	16.3%

市場統計

VNX指数プラス寄与上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	2015年4月24日	売買高
VPB	17.20	2.99	0.85	12.67MLN
BID	44.00	1.38	0.76	604600.00
GAS	107.10	1.42	0.72	181700.00
VNM	76.00	1.74	0.68	1.44MLN
VCB	93.00	0.54	0.59	899300.00

VNインデックス5日ぶり反発。

VNX指数マイナス寄与上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	日に貢献したポイント	売買高
STB	23.35	-4.30	-0.50	33.36MLN
NVL	11.15	-6.69	-0.39	51.76MLN
EIB	21.00	-4.98	-0.34	2.37MLN
VHM	42.50	-0.58	-0.27	4.29MLN
PGV	18.30	-3.43	-0.18	7200.00

HSXの上昇率上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	日に貢献したポイント	売買高
TTE	12.25	6.99	0.01	4200.00
LGC	56.80	6.97	0.18	900.00
DRH	4.92	6.96	0.01	3.91MLN
TNC	55.60	6.92	0.02	600.00
HQC	2.79	6.90	0.02	7.37MLN

HSXの下落率上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	日に貢献したポイント	売買高
STB	23.35	-4.30	-0.50	33.36MLN
NVL	11.15	-6.69	-0.39	51.76MLN
EIB	21.00	-4.98	-0.34	2.37MLN
VHM	42.50	-0.58	-0.27	4.29MLN
PGV	18.30	-3.43	-0.18	7200

ソース：ブルームバーグ、BSCリサーチ

HNX指数プラス寄与上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	日に貢献したポイント	売買高
IDC	41.20	6.74	0.99	6.45MLN
CEO	21.10	7.11	0.44	7.85MLN
SHS	8.40	3.70	0.38	10.17MLN
THD	38.80	1.57	0.34	13800
HUT	13.90	3.73	0.27	1.20MLN

HNX指数マイナス寄与上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	日に貢献したポイント	売買高
KSF	50.60	-1.75	-0.22	16800
PTI	36.80	-8.00	-0.13	100
BAB	13.20	-0.75	-0.12	2800
VIT	19.00	-9.52	-0.07	6800
DNP	23.50	-1.26	-0.04	4000

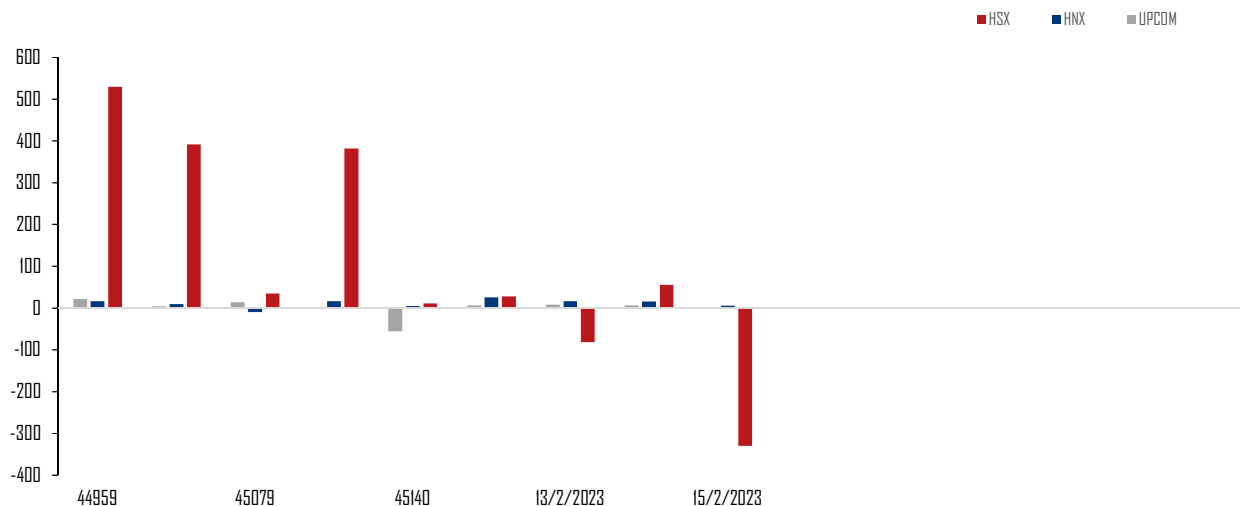
HNXの上昇率上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	日に貢献したポイント	売買高
HMR	8.80	10.00	0.00	19700
L14	48.90	9.89	0.16	437400
TTT	58.00	9.85	0.01	100
SGC	71.10	9.72	0.02	100
PLC	28.30	9.69	0.08	1.81MLN

HNXの下落率上位5銘柄

銘柄	株価	変動率	日に貢献したポイント	売買高
VDL	16.20	-10.00	-0.01	500
VMS	14.60	-9.88	-0.01	900
TFC	6.40	-9.86	-0.01	500
DNC	43.20	-9.81	-0.01	200
VIT	19.00	-9.52	-0.07	6800

外国人投資家の取引



ソース：HSX、HNX、BSCリサーチ

利用規約

本レポートはベトナム投資開発銀行証券株式会社（BSC）の作成によるレポートで、週間内の証券市場状況及びマクロ経済に関する分析、一般情報を提供するものです。本レポートはいかなる法人または個人の要求により作成されたレポートではありません。投資家は参考資料として本レポートの分析、評価、一般情報をご利用下さい。本レポートの情報、評価、予告などは信頼的なデータ源に基づいたものです。しかし、当社は掲載される情報の正確性に対していかなる保証もなされるものではありません。情報の使用に関して、またはその使用の結果に関して、その他の事項に関して、いかなる保証も負担いたしません。本レポートに掲載される評価や観点は現時点の考慮に基づいたものです。しかし、評価や観点は予告なしに変更されることがありますので、あらかじめご了承ください。本レポートの著作権者はベトナム投資開発銀行証券株式会社であるので、当社の書面による事前の許可なく、いかなる形式またはいかなる手段によっても、複製、再出版は著作権法、プライバシーに関する法律に違反することになります。当社の書面による事前の許可なく、いかなる形式またはいかなる手段によっても、複製、再出版または転送することを禁じます。

ハノイ本社

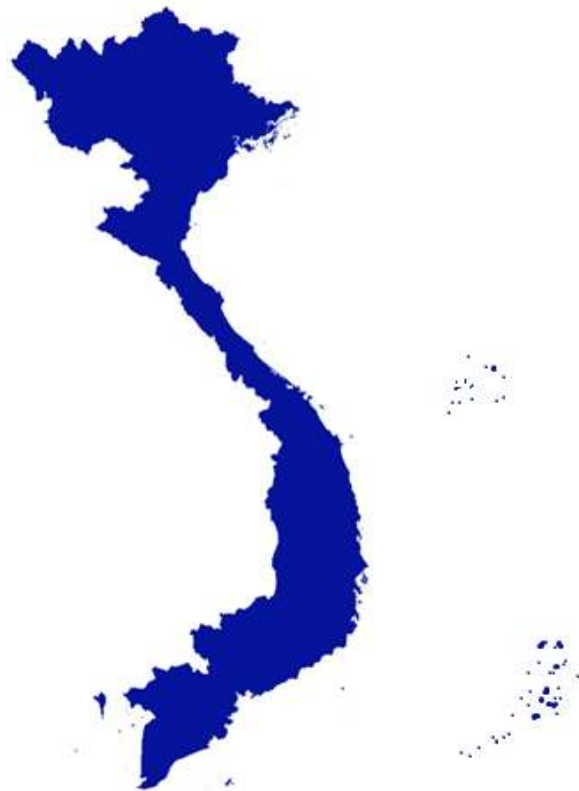
Thai Holding Tower, 8th & 9th Floor
210 Tran Quang Khai – Hoan Kiem – Hanoi
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

ホーチミン支店

146 Nguyen Cong Tru St, 9th Floor
District 1, HCMC
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



法人顧客

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

職位

法人向け投資コンサルティング業務部長
法人向け投資コンサルティング業務社員
法人向け投資コンサルティング業務社員
法人向け投資コンサルティング業務社員

メールアドレス

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn